

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II - LỊCH SỬ 11 (2023-2024)

I. TRẮC NGHIỆM

Bài 9, 10, 11: học sinh tự ôn tập lại theo đề cương giữa kì II.

Bài 12: Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông

Câu 1. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của quốc gia nào sau đây?

- A. Nam Phi. B. Đan Mạch. C. Việt Nam. D. Thụy Điển.

Câu 2. Vùng biển nào sau đây là tuyến đường di chuyển ngắn nhất nối Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương?

- A. Biển Na Uy. B. Biển Đông. C. Biển Đỏ. D. Biển Đen.

Câu 3. Các quốc gia Đông Nam Á ven biển đang được hưởng lợi ích trực tiếp từ

- A. Biển Đông. B. Biển Đỏ. C. Biển Đen. D. Biển Hồ.

Câu 4. Biển Đông là một trong những biển lớn và là đường vận chuyển huyết mạch của khu vực

- A. châu Á - Thái Bình Dương. B. Bắc Mỹ và eo biển Đan Mạch.

- C. châu Âu và mũi Hảo Vọng. D. châu Phi và châu Nam Cực.

Câu 5. Địa hình của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là sự nối tiếp liên tục của lục địa Việt Nam từ

- A. vùng núi ra biển.

- B. đất liền ra biển.

- C. hoạt động lấn biển.

- D. hoạt động núi lửa.

Câu 6. Quần đảo nào sau đây thuộc chủ quyền của Việt Nam nằm ở trung tâm của Biển Đông?

- A. Quần đảo Bắc Cực.

- B. Quần đảo Mã Lai.

- C. Quần đảo Thế giới.

- D. Quần đảo Hoàng Sa.

Câu 7. Quần đảo nào sau đây thuộc chủ quyền của Việt Nam nằm ở trung tâm của Biển Đông?

- A. Quần đảo Mã Lai.

- B. Quần đảo Bắc Cực.

- C. Quần đảo Thế giới.

- D. Quần đảo Trường Sa.

Câu 8. Giao thương đường biển trên Biển Đông nhộn nhịp vào hàng thứ hai thế giới, chủ yếu là

- A. khách du lịch.

- B. cảng biển lớn.

- C. tàu chở dầu.

- D. cây nước mặn.

Câu 9. Eo biển nào sau đây ở Đông Nam Á là điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng bậc nhất ở châu Á?

- A. Eo Ma-lắc-ca.

- B. Eo Đài Loan.

- C. Eo Miêng Rông

- D. Eo Cá Heo.

Câu 10. Eo biển nào sau đây **không** phải là eo biển ở Biển Đông?

- A. Eo Xun-đa.

- B. Eo Lôm-bóc.

- C. Eo Ma-lắc-ca.

- D. Eo Bê-ring.

Câu 11. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam nằm ở vị trí nào của Biển Đông?

- A. Phía Bắc.

- B. Phía Nam.

- C. Trung tâm.

- D. Phái Tây.

Câu 12. Ngày nay, quần đảo Trường Sa thuộc địa phận tỉnh nào của Việt Nam?

- A. Quảng Ninh.

- B. Kiên Giang.

- C. Khánh Hòa.

- D. Đồng Tháp.

Câu 13. Ngày nay, quần đảo Hoàng Sa thuộc địa phận tỉnh nào của Việt Nam?

- A. Quảng Ninh.

- B. Kiên Giang.

- C. Đà Nẵng.

- D. Đồng Tháp.

Câu 14. Đảo nào sau đây trong quần đảo Trường Sa có vị trí địa lý gần đất liền Việt Nam nhất?

- A. Đảo Song Tử Tây.

- B. Đảo Trường Sa.

- C. Đảo Nam Yết.

- D. Đảo Ba Đình.

Câu 15. Đảo nào sau đây trong quần đảo Trường Sa có diện tích lớn nhất?

- A. Đảo Song Tử Tây.

- B. Đảo Nam Yết.

- C. Đảo Trường Sa.

- D. Đảo Ba Đình.

Câu 16. Biển Đông trải dài khoảng 3000 km theo trục đông bắc – tây nam, nối liền Thái Bình Dương và

- A. Bắc Băng Dương.

- B. Địa Trung Hải.

- C. Đại Tây Dương.

- D. Ấn Độ Dương.

Câu 17. Ở Biển Đông, nguồn tài nguyên thiên nhiên nào sau đây có trữ lượng lớn nhất thế giới?

- A. Muối biển.

- B. Đất hiếm.

- C. Dầu khí.

- D. Quặng sắt.

Câu 18. Hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông có ý nghĩa chiến lược về quốc phòng, an ninh đối với nhiều quốc gia ven biển vì lí do nào sau đây?

- A. Nằm trên tuyến đường hàng hải quốc tế quan trọng, kết nối các châu lục.
- B. Đây là con đường duy nhất kết nối trực tiếp vùng biển châu Âu với biển Ả rập.
- C. Biển Đông là tuyến vận tải biển quan trọng bậc nhất nối châu Á và châu Âu.
- D. Biển Đông là tuyến vận tải đường biển ngắn nhất từ châu Âu sang châu Á.

Câu 19. Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế vì

- A. là tuyến đường biển duy nhất trên thế giới.
- B. tập trung nhiều tuyến đường biển chiến lược.
- C. ít có sự hoạt động của áp thấp nhiệt đới, bão.
- D. bị nhiều cường quốc lớn chi phối, khống chế.

Câu 20. Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng trong giao thông hàng hải quốc tế vì

- A. là tuyến đường biển duy nhất trên thế giới.
- B. ít có sự hoạt động của áp thấp nhiệt đới, bão.
- C. khu vực Biển Đông có nhiều eo biển quan trọng.
- D. bị nhiều cường quốc lớn chi phối, khống chế.

Câu 21. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông được thể hiện ở điểm nào sau đây?

- A. Lượng mưa thay đổi theo vĩ độ và mùa.
- B. Nối Đại Tây Dương đến Ấn Độ Dương.
- C. Là vùng biển chính cho tàu thuyền neo đậu.
- D. Là tuyến đường giao thông biển huyết mạch.

Câu 22. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông được thể hiện ở điểm nào sau đây?

- A. Ít có các đảo, quần đảo lớn bao bọc xung quanh.
- B. Ít có sự hoạt động của áp thấp nhiệt đới, bão.
- C. Có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- D. Là tuyến giao thông hàng hải duy nhất trên biển.

Câu 23. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông được thể hiện ở điểm nào sau đây?

- A. Tác động to lớn đến sự phát triển của nhiều nước.
- B. Ít có các đảo, quần đảo lớn bao bọc xung quanh.
- C. Là tuyến giao thông hàng hải duy nhất trên biển.
- D. Ít có sự hoạt động mạnh của áp thấp nhiệt đới, bão.

Câu 24. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông được thể hiện ở điểm nào sau đây?

- A. Ít có các đảo, quần đảo lớn bao bọc xung quanh.
- B. Ít có sự hoạt động mạnh của áp thấp nhiệt đới, bão.
- C. Có giá trị cao đối với hoạt động nghiên cứu khoa học.
- D. Là tuyến giao thông hàng hải duy nhất trên biển.

Câu 25. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông được thể hiện ở điểm nào sau đây?

- A. Là biển ít có các đảo, quần đảo lớn bao bọc xung quanh.
- B. Là biển ít có sự hoạt động mạnh của áp thấp nhiệt đới, bão.
- C. Ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của người dân nhiều nước.
- D. Là tuyến giao thông hàng hải quốc tế duy nhất trên biển.

Câu 26. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về vị trí chiến lược của Biển Đông đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam?

- A. Góp phần giảm thiểu chi phí trong ngành vận tải đường biển.
- B. Rút ngắn thời gian vận chuyển, giao lưu kinh tế được dễ dàng.
- C. Biển Đông là tuyến đường vận tải biển duy nhất của thế giới.
- D. Là cửa ngõ để Việt Nam giao thương với khu vực và thế giới.

Câu 27. Đối với Việt Nam, Biển Đông có vai trò quan trọng nào sau đây ?

- A. Cung cấp nguồn tài nguyên phong phú để phát triển đất nước.
- B. Đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.
- C. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.
- D. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

Câu 28. Đối với Việt Nam, hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông có vai trò quan trọng nào sau đây ?

- A. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.
- B. Xây dựng thành cơ sở hậu cần-kỹ thuật phục vụ hoạt động kinh tế.
- C. Đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.
- D. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

Câu 29. Đối với Việt Nam, tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa được thể hiện ở điểm nào sau đây ?

- A. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.
- B. Có vị trí, điều kiện thích hợp để phát triển nền kinh tế biển toàn diện.
- C. Đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.
- D. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

Câu 30. Đối với Việt Nam, hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông có vai trò quan trọng nào sau đây ?

- A. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.
- B. Xây dựng thành cơ sở hậu cần-kỹ thuật phục vụ hoạt động quân sự.
- C. Đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.
- D. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

Câu 31. Đối với Việt Nam, tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa được thể hiện ở điểm nào sau đây ?

- A. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.
- B. Đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.
- C. Có ý nghĩa về chiến lược quốc phòng, an ninh, kinh tế biển.
- D. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

Câu 32. Nội dung nào sau đây là đặc điểm nổi bật về khí hậu ở Biển Đông, có ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam?

- A. Có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương.
- B. Là khu vực hình thành và hoạt động của nhiều áp thấp nhiệt đới, bão.
- C. Hiện nay, Biển Đông là một trong những biển lớn nhất trên thế giới.
- D. Là cửa ngõ để Việt Nam giao thương với các nhiều nước trên thế giới.

Câu 33. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng về tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong khu vực Biển Đông?

- A. Giúp kiểm soát và đảm bảo an ninh cho các tuyến đường giao thông trên biển, trên không.
- B. Xây dựng thành cơ sở hậu cần - kỹ thuật phục vụ hoạt động kinh tế tại các đảo, quần đảo.
- C. Phát triển bền vững một số ngành kinh tế biển như du lịch, nuôi trồng và chế biến thủy sản.
- D. Xây dựng các trung tâm nghiên cứu để duy trì và phát triển các di sản văn hóa thiên nhiên.

Câu 34. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam?

- A. Hệ thống đảo, quần đảo trên Biển Đông chỉ thuận lợi để đầu tư và phát triển du lịch.
- B. Việt Nam được đánh giá là quốc gia có lợi thế và tiềm năng to lớn về tài nguyên biển.
- C. Vùng biển rộng lớn với nhiều đảo là không gian trọng yếu để phát triển văn hóa.
- D. Biển đảo là nguồn cung cấp lương thực chủ yếu cho cuộc sống của nhân dân Việt Nam.

Bài 13: Việt Nam và Biển Đông

Câu 1. Hiện nay, Việt Nam có bao nhiêu tỉnh, thành phố tiếp giáp với biển?

- A. 26 tỉnh, thành phố.
- B. 27 tỉnh, thành phố.
- C. 28 tỉnh, thành phố.
- D. 29 tỉnh, thành phố.

Câu 2. Hiện nay, về mặt hành chính, huyện đảo Hoàng Sa (Việt Nam) thuộc quyền quản lý hành chính của
A. thành phố Đà Nẵng. **B.** tỉnh Bình Thuận. **C.** tỉnh An Giang. **D.** tỉnh Trà Vinh.

Câu 3. Hiện nay, về mặt hành chính, huyện đảo Trường Sa (Việt Nam) thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh

A. Khánh Hòa. **B.** Bình Thuận. **C.** An Giang. **D.** Trà Vinh.

Câu 4. Hoạt động xác lập chủ quyền, quản lý liên tục mang tính nhà nước của các chúa Nguyễn và nhà Nguyễn đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa được khẳng định thông qua việc

A. thành lập và hoạt động của các đội Hoàng Sa, Bắc Hải.

B. di dân đến khai hoang và sinh sống lâu dài trên các đảo.

C. cử quân đội chính quy đến đồn trú để bảo vệ các đảo.

D. các chúa Nguyễn thường xuyên đến các đảo để thị sát.

Câu 5. Dưới thời vua Gia Long, hoạt động khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa được thể hiện qua việc

A. di dân số lượng lớn đến khai hoang và sinh sống lâu dài trên các đảo.

B. tổ chức đội thủy quân chuyên trách thực thi chủ quyền ở các đảo.

C. xây dựng Hoàng Sa và Trường Sa thành ngư trường đánh bắt lớn.

D. vua Gia Long thường xuyên đến các đảo để thị sát, nắm tình hình.

Câu 6. Dưới thời vua Minh Mạng, hoạt động khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa được thể hiện qua việc

A. di dân số lượng lớn đến khai hoang và sinh sống lâu dài trên các đảo.

B. cử thủy quân ra đảo, cho vẽ bản đồ, cắm dấu mốc tại nơi khảo sát.

C. xây dựng Hoàng Sa và Trường Sa thành ngư trường đánh bắt lớn.

D. vua Minh Mạng thường xuyên đến các đảo để thị sát, nắm tình hình.

Câu 7. Dưới thời vua Minh Mạng, hoạt động khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa được thể hiện qua việc

A. di dân số lượng lớn đến khai hoang và sinh sống lâu dài trên các đảo.

B. xây dựng Hoàng Sa và Trường Sa thành ngư trường đánh bắt lớn.

C. vua Minh Mạng thường xuyên đến các đảo để thị sát, nắm tình hình.

D. cử thủy quân ra đảo, vẽ bản đồ, cắm cột mốc, dựng miếu và trồng cây.

Câu 8. Tháng 3/1988, nhiều chiến sĩ Hải quân Việt Nam đã hi sinh anh dũng khi chiến đấu bảo vệ chủ quyền tại đảo

A. Lý Sơn.

B. Gạc Ma.

C. Thổ Chu.

D. Cô Tô.

Câu 9. Tháng 3/1988, nhiều chiến sĩ Hải quân Việt Nam đã hi sinh anh dũng khi chiến đấu bảo vệ chủ quyền tại đảo

A. Lý Sơn.

B. Len Đao.

C. Thổ Chu.

D. Cô Tô.

Câu 10. Tháng 3/1988, nhiều chiến sĩ Hải quân Việt Nam đã hi sinh anh dũng khi chiến đấu bảo vệ chủ quyền tại đảo

A. Lý Sơn.

B. Cô Lin.

C. Thổ Chu.

D. Cô Tô.

Câu 11. Tháng 3/1988, quân đội của quốc gia nào sau đây đã dùng vũ lực tấn công trái phép các đảo Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao thuộc quần đảo Trường Sa làm cho nhiều chiến sĩ Hải quân Nhân dân Việt Nam phải hi sinh?

A. Nhật Bản.

B. Thụy Điển.

C. Trung Quốc.

D. Nam Phi.

Câu 12. Một trong những công trình sử học và địa lí ghi chép về cương vực, lãnh thổ và hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của nhà nước phong kiến Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa là

A. Phủ biên tạp lục.

B. Lam Sơn thực lục.

C. Bình Ngô đại cáo.

D. Ước Trai thi tập.

Câu 13. Một trong những công trình sử học và địa lí ghi chép về cương vực, lãnh thổ và hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của nhà nước phong kiến Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa là

A. Đại Nam thực lục.

B. Lam Sơn thực lục.

C. Bình Ngô đại cáo.

D. Ước Trai thi tập.

Câu 14. Một trong những công trình sử học và địa lí ghi chép về cương vực, lãnh thổ và hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của nhà nước phong kiến Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa là

A. Hoàng Việt nhất thống dư địa chí.

B. Lam Sơn thực lục.

C. Bình Ngô đại cáo.

D. Ước Trại thi tập.

Câu 15. Một trong những công trình sử học và địa lí ghi chép về cương vực, lãnh thổ và hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của nhà nước phong kiến Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa là

A. Đại Nam nhất thống chí.

B. Lam Sơn thực lục.

C. Bình Ngô đại cáo.

D. Ước Trại thi tập.

Câu 16. Nội dung sau đây là thái độ của các nước tham dự Hội nghị Hoà bình Xan Phran-xi-xcô, (9/1951), khi chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa tiếp tục được tuyên bố?

A. Trung Quốc phản đối quyết liệt và không được thông qua.

B. Các nước Đông Nam Á phản và không được thông qua.

C. Không có quốc gia nào tham dự hội nghị phản đối.

D. Mỹ phản đối quyết liệt và không được hội nghị thông qua.

Câu 17. Về quốc phòng, an ninh, tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam được thể hiện ở điểm nào sau đây?

A. Là nơi có trữ lượng dầu khí lớn nhất thế giới.

B. Là nơi có nguồn tài nguyên sinh vật đa dạng.

C. Là khu vực tập trung các tuyến đường chiến lược.

D. Là tuyến phòng thủ từ phía đông của đất nước.

Câu 18. Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm, tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam được thể hiện ở điểm nào sau đây?

A. Là nơi có trữ lượng dầu khí lớn nhất thế giới.

B. Là nơi có nguồn tài nguyên sinh vật đa dạng.

C. Là khu vực tập trung các tuyến đường chiến lược.

D. Phát triển kinh tế biển đa dạng với nhiều ngành.

Câu 19. Đối với Việt Nam, biển Đông là “cửa ngõ” để giao lưu kinh tế và hợp tác với các nước trên thế giới, đặc biệt là với khu vực

A. Châu Á - Châu Đại Dương.

B. Châu Á - Thái Bình Dương.

C. Châu Đại Dương - Thái Bình Dương.

D. Ấn Độ Dương - Bắc Băng Dương.

Câu 20. Đối với Việt Nam, việc xác định chủ quyền của đối với các đảo và quần đảo ở Biển Đông có ý nghĩa rất quan trọng vì

A. các đảo và quần đảo của Việt Nam đều có tiềm năng kinh tế lớn nhất thế giới.

B. đây là cơ sở để khẳng định chủ quyền của Việt Nam với vùng biển và thềm lục địa.

C. các đảo và quần đảo đều nằm rất xa với đất liền của nước Việt Nam.

D. các đảo và quần đảo là bộ phận chủ quyền dễ bị các nước xâm lược nhất.

Câu 21. Biển Đông đóng vai trò là tuyến phòng thủ phía đông của Việt Nam vì lí do nào sau đây?

A. Có nhiều đảo và quần đảo hợp thành tuyến phòng thủ.

B. Có rất ít các đảo che chắn nên có thể quan sát từ xa.

C. Là biển nông cạn nên các tàu chiến cỡ lớn khó ra vào.

D. Do bốn mặt giáp Biển Đông nên rất thuận lợi phòng thủ.

Câu 22. Đối với các tranh chấp chủ quyền biển, đảo, Việt Nam chủ trương

A. kiên quyết sử dụng pháp lí để kiện ra tòa án quốc tế.

B. dùng vũ lực quân sự để giữ và giành lại các đảo đã mất.

C. giải quyết các tranh chấp thông qua biện pháp hòa bình.

D. nhân nhượng, thỏa hiệp với các nước để đổi lấy hòa bình.

Câu 23. Đối với các tranh chấp chủ quyền biển, đảo, Việt Nam chủ trương giải quyết các tranh chấp thông qua biện pháp hòa bình với tinh thần

A. đề cao vai trò của tòa án quốc tế.

B. không nhượng bộ trong mọi hoàn cảnh.

C. hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau.

D. thỏa hiệp để đổi lấy hòa bình.

Câu 24. Đối với các tranh chấp chủ quyền biển, đảo, Việt Nam chủ trương giải quyết các tranh chấp thông qua biện pháp hòa bình với tinh thần

A. đề cao vai trò của tòa án quốc tế.

B. không nhượng bộ trong mọi hoàn cảnh.

C. tuân thủ luật pháp quốc tế.

D. thỏa hiệp để đổi lấy hòa bình.

Câu 25. Lễ Khao lề thế lính nhằm tri ân Hải đội Hoàng Sa năm xưa, đồng thời giáo dục thế hệ trẻ về trách nhiệm giữ gìn biển đảo quê hương, hàng năm được tổ chức ở

A. huyện đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi).

B. huyện đảo Cô Tô (Quảng Ninh).

C. huyện đảo Phú Quốc (Kiên Giang).

D. Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu).

Câu 26. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** chủ trương của Việt Nam trong việc bảo vệ quyền, chủ quyền và các lợi ích hợp pháp ở Biển Đông?

A. Nhân nhượng các nước lớn để đổi lấy hòa bình trên biển.

B. Không đánh đổi chủ quyền để đổi lấy hòa bình viễn vông.

C. Sẵn sàng khơi mào quân sự để bảo vệ chủ quyền chính đáng.

D. Ưu tiên phát triển Hải quân để bảo vệ chủ quyền trên biển.

Câu 27. Nội dung nào sau đây là một trong những khó khăn của Việt Nam trong việc bảo vệ quyền, chủ quyền và các lợi ích hợp pháp trên Biển Đông hiện nay?

A. Tình trạng chồng lấn giữa vùng biển đảo của nhiều quốc gia.

B. Quân lực của nước ta quá yếu so với các nước tranh chấp Biển Đông.

C. Các Ủy viên thường trực của Liên Hợp Quốc điều ủng hộ Trung Quốc.

D. Thiếu các bằng chứng pháp lí để khẳng định chủ quyền ở Biển Đông.

Câu 28. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng về vai trò của Biển Đông đối với Việt Nam?

A. Đóng vai trò quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

B. Là điểm du lịch hấp dẫn thu hút khách trong nước cũng như quốc tế.

C. Là “cửa ngõ” để Việt Nam giao lưu kinh tế và hợp tác quốc tế.

D. Là con đường duy nhất để hàng hóa xuất-nhập khẩu với bên ngoài.

Câu 29. Hội nghị Hoà bình Xan Phran-xi-xcô, (9/1951), khi chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa tiếp tục được tuyên bố mà không bị các quốc gia tham dự hội nghị phản đối. Điều đó cho thấy

A. tính pháp lý quốc tế và lịch sử về chủ quyền của Việt Nam.

B. đây là những quần đảo không có giá trị cao về kinh tế.

C. đây là những quần đảo không có giá trị cao về quốc phòng.

D. các quốc gia tham dự hội nghị đều tuyệt đối tôn trọng luật Biển.

Câu 30. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng chủ trương của Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền biển, đảo?

A. Tham gia Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc (UNCLOS).

B. Quốc hội đã thông qua Luật biển Việt Nam (ngày 21/6/2012).

C. Liên minh quân sự với các nước trong khu vực để bảo vệ chủ quyền biển đảo.

D. Thúc đẩy và thực hiện Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC).

Câu 31. Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** về tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam?

A. Hình thành thể phòng thủ liên hoàn biển - đảo - bờ để bảo vệ Tổ quốc.

B. Là bàn đạp thuận lợi để Việt Nam mở rộng lãnh thổ Tổ quốc.

C. Thuận lợi để hình thành liên minh quân sự với các nước trong khu vực.

D. Là con đường duy nhất để hàng hóa xuất-nhập khẩu với bên ngoài.

Câu 32. Trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975), đảo nào sau đây được xem là “vọng gác tiền tiêu” của miền Bắc Việt Nam?

A. Đảo Hoàng Sa.

B. Đảo Trường Sa.

C. Đảo Cồn Cỏ.

D. Đảo Phú Quốc.

Câu 33. Vịnh biển nào sau đây được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới đầu tiên của Việt Nam?

A. Vịnh Cam Ranh.

B. Vịnh Bắc Bộ.

C. Vịnh Hạ Long.

D. Vịnh Thái Lan.

II. TỰ LUẬN

Câu 1: Nêu tầm quan trọng chiến lược của biển Đông đối với Việt Nam?

Câu 2: Nêu tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở biển Đông?

Câu 3: Là một học sinh, em thấy mình cần phải làm gì để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc?

..... **CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT**.....